TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH K GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 04-4-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền
Các thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Thu Hường
2. Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương TH Triều - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2021/HNGĐ-ST ngày 20/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 08/2/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994
Địa chỉ: số 549, ấp Đ A, xã T1, huyện T, tỉnh K Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981
Địa chỉ: số 163, ấp Đ B, xã T1, huyện T, tỉnh K Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chi Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên trước đây chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn H tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện T, tỉnh K Giang ngày 20/11/2017. Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Phạm Trí K, sinh ngày 01/11/2018. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, anh H không tôn trọng chị N, gia đình chồng khó khăn, anh H gia trưởng chị N không có tiếng nói trong gia đình. Xét thấy việc chung sống với nhau không hạnh phúc nên chị N tự ly thân bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 12/2019 cho đến nay. Anh H có qua nhà mẹ chị năn nỉ để quay về, chị N có đề nghị với anh H vợ chồng ra riêng sống, nhưng anh H không đồng ý. Từ đó, ngày 16/12/2020 chị N đã làm đơn xin ly hôn yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N cho rằng lâu nay anh H nuôi con, hiện nay chị cũng thất nghiệp, do vậy, chị N đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: chị N, anh H đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh H đồng ý với lời trình bày của chị N về ngày vợ chồng chung sống, đăng ký kết hôn, có 01 con chung, có tài sản chung và không có nợ chung như chị N trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H không có mâu thuẫn gì, chị N nói mẹ anh khó khăn, anh gia trưởng là không có. Ngày 18/02/2019 chị N bỏ về nhà mẹ ruột của chị N, anh H có xuống nhà mẹ vợ khuyên nhủ nhưng chị N không chịu quay về, anh H xác nhận chị N có đề nghị vợ chồng ra ở riêng, nhưng anh không đồng ý, vì anh phải chăm sóc mẹ và trông coi nhà cửa thờ cúng ông bà. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị N anh H có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn với chị N, anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái.

- Về con chung: Trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn mà Tòa án buộc cho ly hôn, thì anh H yêu cầu được nuôi con, anh H yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh H yêu cầu chị N phải có trách nhiệm chăm sóc, thăm nom giáo dục con, yêu cầu chị N phải đón con về nhà chị N ít nhất 01 tháng 01 lần, trường hợp anh H có đau ốm bệnh tật thì chị N phải đón con về nhà chăm sóc cho đến khi anh H hết bệnh, nếu con có đau ốm nằm viện thì chị N phải có trách nhiệm cùng anh H chăm sóc con, phải chia đôi trả tiền viện phí cho con và phải giữ liên lạc thường xuyên với con.

- Về tài sản chung: anh H, chị N đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2021/HNGĐ-ST ngày 20/05/ 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K Giang đã quyết định:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi người con tên Phạm Trí K, sinh ngày 01/11/2018.

Buộc chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu Phạm Trí K, sinh ngày 01/11/2018 đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị N tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung: chị N, anh H đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 24 tháng 05 năm 2021, anh Phạm Văn H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và yêu cầu như sau:

- Anh H yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi day con tốt hơn;

- Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H yêu cầu buộc chị N phải đón con một ngày/tháng; Khi anh H ốm đau, chị N phải đón con về chăm sóc đến khi anh khỏi bệnh; Khi con đau phải năm viện thì chị N phải cùng anh chăm sóc và cùng chia đôi viện phí; chị N phải giử liên lạc thường xuyên với con; Phải cấp dưỡng nuôi con; Giáo dục con điều hay lẽ phải và không làm tổn hại đến tinh thần, danh dự, nhân phẩm của con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Phạm Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: cho anh chị đoàn tụ để có điều kiện chăm sóc nuôi dạy con.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh H;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng về thủ tục tố tụng: kể từ ngày thụ lý cho đến khi tiến hành xét xử phúc thẩm các đương sự, Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành giải quyết là đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào khác. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: qua xem xét kháng cáo của Phạm Văn H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cho anh chi ly hôn là chưa thỏa đáng, chưa xem xét hết nội tình cuộc sống vợ chồng của anh chi nên có ý xin được đoàn tụ, chung sống với chị N. Qua yêu cầu này, sau khi thẩm vấn tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình chung sống chị N không cảm nhận được hạnh phúc, anh H không quan tâm, thông cảm đến vợ con, lại có biểu hiện gia trưởng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, khó hàn gắn được. Tại phiên tòa mặc dù đã động viên các bên nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn, hai bên không thỏa thuận được. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhận không đạt được nên thống nhất theo ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của anh H, giử nguyên bản án sơ thẩm;

[2] Về con chung, tài sản và nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm anh H phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Nhu đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H ;

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2021/HNGĐ-ST ngày 20/05/ 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K Giang

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H tiếp tục nuôi người con chung tên Phạm Trí K, sinh ngày 01/11/2018.

Buộc chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Phạm Trí K, sinh ngày 01/11/ 2018 đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị N tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung: chị N, anh H đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008200 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh K Giang.

- Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí phúc thẩm: anh Phạm Văn H phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004601 ngày 08/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh K Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh K Giang;
- TAND huyện T;
- THA DS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Gia đình và Người Chưa thành niên.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Sanh Hiền